BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 414-QĐ/HVCTQG

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
bổ sung Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

Căn cứ Quyết định số 214-QĐ/TW ngày 28/12/2024 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 4350-QĐ/HVCTQG ngày 17/9/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng,

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung Danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp với ngành tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định có liên quan do Học viện ban hành trước đây trái với nội dung Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Quản lý đào tạo, bồi dưỡng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Học viện, các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo,
- Ban Giám đốc Học viện,
- Cổng thông tin điện tử Học viện,
- Lưu VT, Vụ QLĐTBD.

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hoàng Phúc Lâm

BỔ SUNG DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VỚI NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4114-QĐ/HVCTQG ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

I. NGÀNH CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ, Mã số 9229002

1. Ngành đúng: Triết học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	Không phải học bổ sung
2	7229001	Triết học	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Lịch sử triết học phương Đông cổ đại (3 tín chỉ) 2. Lịch sử triết học phương Tây trước Mác (2 tín chỉ) 3. Lịch sử triết học Mác (2 tín chỉ) 4. Lịch sử triết học phương Tây hiện đại (2 tín chỉ)
2	8229009	Tôn giáo học	
3	8229011	Lịch sử thế giới	
4	8229013	Lịch sử Việt Nam	
5	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
6	8229020	Ngôn ngữ học	
7	8229030	Văn học	
8	8229040	Văn hóa học	
9	8229042	Quản lý văn hóa	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310201	Chính trị học	1. Lịch sử triết học phương Đông cổ đại (3 tín chỉ) 2. Lịch sử triết học phương Tây trước Mác (2 tín chỉ) 3. Lịch sử triết học Mác (2 tín chỉ) 4. Lịch sử triết học phương Tây hiện đại (2 tín chỉ) 5. Triết học Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) 6. Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam (2 tín chỉ)
2	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
3	8310204	Hồ Chí Minh học	
4	8310206	Quan hệ quốc tế	
5	8310205	Quản lý nhà nước	
6	8310301	Xã hội học	
7	8310302	Nhân học	
8	8310205	Quản lý nhà nước	
9	8310608	Đông Phương học	
10	8310602	Châu Á học	
11	8310630	Việt Nam học	

II. NGÀNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC, Mã số 9229008

1. Ngành đúng: Chủ nghĩa xã hội khoa học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Không phải học bổ sung
2	7229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Một số tác phẩm tiêu biểu của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội (4 tín chỉ) 2. Một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội (3 tín chỉ) 3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (4 tín chỉ) 4. Chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (2 tín chỉ)
2	8229009	Tôn giáo học	
3	8229011	Lịch sử thế giới	
4	8229013	Lịch sử Việt Nam	
5	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
6	8229040	Văn hóa học	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310201	Chính trị học	1. Một số tác phẩm tiêu biểu của chủ nghĩa Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội (4 tín chỉ) 2. Một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội (3 tín chỉ) 3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học (4 tín chỉ) 4. Chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (2 tín chỉ) 5. Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa (4 tín chỉ) 6. Lịch sử phong trào cộng sản công nhân quốc tế (2 tín chỉ)
2	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
3	8310204	Hồ Chí Minh học	
4	8310206	Quan hệ quốc tế	
5	8310205	Quản lý nhà nước	
6	8140114	Quản lý giáo dục	
7	8140101	Giáo dục học	
8	8140113	Giáo dục và phát triển cộng đồng	

III. NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC, Mã số 9310201

1. Ngành đúng: Chính trị học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310201	Chính trị học	Không phải học bổ sung
2	7310201	Chính trị học	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	1. Lý thuyết phân tích hành vi chính trị (2 tín chỉ) 2. Quyền lực chính trị (2 tín chỉ) 3. Hệ thống chính trị (2 tín chỉ) 4. Chính trị Việt Nam (3 tín chỉ)
2	8310204	Hồ Chí Minh học	
3	8310206	Quan hệ quốc tế	
4	8310205	Quản lý nhà nước	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Lý thuyết phân tích hành vi chính trị (2 tín chỉ) 2. Quyền lực chính trị (2 tín chỉ) 3. Hệ thống chính trị (2 tín chỉ) 4. Chính trị Việt Nam (3 tín chỉ) 5. Chính trị học so sánh (2 tín chỉ) 6. Văn hóa chính trị (2 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229009	Tôn giáo học	
4	8229011	Lịch sử thế giới	
5	8229013	Lịch sử Việt Nam	
6	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
7	8229020	Ngôn ngữ học	
8	8229030	Văn học	
9	8229031	Văn học so sánh	
10	8229040	Văn hóa học	
11	8229041	Văn hóa dân gian	
12	8229042	Quản lý văn hóa	
13	8229043	Văn hóa so sánh	
14	8310301	Xã hội học	
15	8310302	Nhân học	
16	8310313	Phát triển bền vững	
17	8310315	Phát triển con người	
18	8310317	Quyền con người	
19	8340402	Chính sách công	
20	8340403	Quản lý công	
21	8310501	Địa lý học	
22	8310601	Quốc tế học	
23	8310602	Châu Á học	
24	8310608	Đông Phương học	
25	8310612	Trung Quốc học	
26	8310620	Đông Nam Á học	
27	8310630	Việt Nam học	
28	8320101	Báo chí học	
29	8320105	Truyền thông đại chúng	
30	8320108	Quan hệ công chúng	
31	8340408	Lãnh đạo học	

VI. NGÀNH HỒ CHÍ MINH HỌC, Mã số 9310204)

1. Ngành đúng: Hồ Chí Minh học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310204	Hồ Chí Minh học	Không phải học bổ sung

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	1. Tiểu sử Hồ Chí Minh: Cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh (3 tín chỉ) 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (2 tín chỉ)
2	8310201	Chính trị học	
3	8310206	Quan hệ quốc tế	

4	8310205	Quản lý nhà nước	3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết và mặt trận dân tộc thống nhất (3 tín chỉ)

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Tiểu sử Hồ Chí Minh: Cơ sở và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh (3 tín chỉ) 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (2 tín chỉ) 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết và mặt trận dân tộc thống nhất (3 tín chỉ) 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, văn hóa, đạo đức (3 tín chỉ) 5. Phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh (3 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229009	Tôn giáo học	
4	8229011	Lịch sử thế giới	
5	8229013	Lịch sử Việt Nam	
6	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
7	8229020	Ngôn ngữ học	
8	8229030	Văn học	
9	8229031	Văn học so sánh	
10	8229040	Văn hóa học	
11	8229041	Văn hóa dân gian	
12	8229042	Quản lý văn hóa	
13	8229043	Văn hóa so sánh	
14	8310301	Xã hội học	
15	8310302	Nhân học	
16	8310313	Phát triển bền vững	
17	8310315	Phát triển con người	
18	8310317	Quyền con người	

V. NGÀNH KINH TẾ CHÍNH TRỊ, Mã số 9310102

1. Ngành đúng: Kinh tế chính trị

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310102	Kinh tế chính trị	Không phải học bổ sung
2	7310101	Kinh tế chính trị	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310101	Kinh tế học	1. Lịch sử học thuyết kinh tế nâng cao (2 tín chỉ) 2. Lý thuyết của C.Mác về quá trình sản xuất tư bản (2 tín chỉ)
2	8310104	Kinh tế đầu tư	
3	8310105	Kinh tế phát triển	
4	8310106	Kinh tế quốc tế	
5	8310107	Thống kê kinh tế	
6	8310108	Toán kinh tế	
7	8310110	Quản lý kinh tế	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8620115	Kinh tế nông nghiệp	1. Lịch sử học thuyết kinh tế nâng cao (2 tín chỉ) 2. Lý thuyết của C.Mác về quá trình sản xuất tư bản (2 tín chỉ) 3. Lý thuyết của V.I.Lênin về nền sản xuất tư bản chủ nghĩa (2 tín chỉ) 4. Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (2 tín chỉ)
2	8620116	Phát triển nông thôn	
3	834	Các ngành thuộc lĩnh vực "Kinh doanh và quản lý"*	
4	83102	Các ngành thuộc nhóm ngành "Khoa học chính trị"*	

VI. NGÀNH KINH TẾ PHÁT TRIỂN, Mã số 9310105

1. Ngành đúng: Kinh tế phát triển

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310105	Kinh tế phát triển	Không phải học bổ sung
2	7310105	Kinh tế phát triển	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310101	Kinh tế học	1. Kinh tế phát triển nâng cao (3 tín chỉ) 2. Phát triển bền vững (3 tín chỉ) 3. Kinh tế ngành (3 tín chỉ) 4. Kinh tế nguồn nhân lực (3 tín chỉ)
2	8310104	Kinh tế đầu tư	
3	8310102	Kinh tế chính trị	
4	8310106	Kinh tế quốc tế	
5	8310107	Thống kê kinh tế	
6	8310108	Toán kinh tế	
7	8310110	Quản lý kinh tế	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8620115	Kinh tế nông nghiệp	1. Kinh tế phát triển nâng cao (3 tín chỉ) 2. Phát triển bền vững (3 tín chỉ) 3. Kinh tế ngành (3 tín chỉ) 4. Kinh tế nguồn nhân lực (3 tín chỉ) 5. Kinh tế môi trường (3 tín chỉ) 6. Kinh tế đầu tư (3 tín chỉ)
2	8620116	Phát triển nông thôn	
3	8310313	Phát triển bền vững	
4	834	Các ngành thuộc lĩnh vực "Kinh doanh và quản lý"* Tính toán rủi ro bảo hiểm và tài chính thuộc nhóm ngành Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm.	

VII. NGÀNH LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, Mã số 9229015

1. Ngành đúng: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Không phải học bổ sung
2	7229010	Lịch sử: chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Vai trò và sự sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ) 2. Quá trình xây dựng và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (3 tín chỉ) 3. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (3 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229009	Tôn giáo học	
4	8229011	Lịch sử thế giới	
5	8229013	Lịch sử Việt Nam	
6	8229017	Khảo cổ học	
7	8229020	Ngôn ngữ học	
8	8229030	Văn học	
9	8229031	Văn học so sánh	
10	8229040	Văn hóa học	
11	8229041	Văn hóa dân gian	
12	8229042	Quản lý văn hóa	
13	8229043	Văn hóa so sánh	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310310	Dân tộc học	1. Vai trò và sự sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ) 2. Quá trình xây dựng và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam (3 tín chỉ) 3. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (3 tín chỉ) 4. Những bài học kinh nghiệm chủ yếu của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam (2 tín chỉ) 5. Lịch sử xây dựng Đảng qua các thời kỳ cách mạng (2 tín chỉ)
2	8310302	Nhân học	
3	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
4	8310204	Hồ Chí Minh học	
5	8310201	Chính trị học	
6	8320303	Lưu trữ học	
7	8320203	Khoa học thư viện	
	8310630	Việt Nam học	

VIII. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT, Mã số 9380106

1. Ngành đúng: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8380106	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	Không phải học bổ sung
2	7380101	Luật	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8380101	Luật	1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật (4 tín chỉ)
2	8380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	

3	8380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật (3 tín chỉ) 3. Các học thuyết phi mác xít về nhà nước và pháp luật - Lịch sử và đương đại (3 tín chỉ) 4. Lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (3 tín chỉ)
4	8380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
5	8380107	Luật kinh tế	
6	8380108	Luật quốc tế	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310205	Quản lý nhà nước	1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật (4 tín chỉ) 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật (3 tín chỉ) 3. Các học thuyết phi mác xít về nhà nước và pháp luật - Lịch sử và đương đại (3 tín chỉ) 4. Lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam (3 tín chỉ) 5. Lý luận và thực tiễn về tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam (3 tín chỉ) 6. Xây dựng pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (3 tín chỉ)
2	8340403	Quản lý công/Quản lý hành chính công	
3	8860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
4	8860110	Quản lý trật tự an toàn giao thông	
5	8860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	
6	8380109	Pháp luật về quyền con người	
7	8860117	Tình báo an ninh	
8	8380105	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	
9	8380110	Quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng	
10	838	Các ngành thuộc lĩnh vực "Pháp luật"*	

IX. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ, Mã số 9310110

1. Ngành đúng: Quản lý kinh tế

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310110	Quản lý kinh tế	Không phải học bổ sung
2	7310110	Quản lý kinh tế	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310101	Kinh tế học	1. Khoa học lãnh đạo, quản lý (3 tín chỉ) 2. Kinh tế công cộng (3 tín chỉ) 3. Thể chế kinh tế (3 tín chỉ) 4. Quản lý nhà nước về kinh tế (3 tín chỉ)
2	8310102	Kinh tế chính trị	
3	8310104	Kinh tế đầu tư	
4	8310105	Kinh tế phát triển	
5	8310106	Kinh tế quốc tế	
6	8310107	Thống kê kinh tế	
7	8310108	Toán kinh tế	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8580302	Kinh tế xây dựng	1. Khoa học lãnh đạo, quản lý (3 tín chỉ) 2. Kinh tế công cộng (3 tín chỉ) 3. Thể chế kinh tế (3 tín chỉ) 4. Quản lý nhà nước về kinh tế (3 tín chỉ) 5. Quản lý tài chính công (3 tín chỉ) 6. Quản lý nhà nước về đầu tư (3 tín chỉ)
2	8580302	Quản lý xây dựng	
3	834	Các ngành thuộc lĩnh vực "Kinh doanh và quản lý"*	

X. NGÀNH TÔN GIÁO HỌC, Mã số 9229009)

1. Ngành đúng: Tôn giáo học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229009	Tôn giáo học	Không phải học bổ sung
2	7229009	Tôn giáo học, Cử nhân chính trị: Chuyên ngành công tác tôn giáo	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Phật giáo trong xã hội đương đại (2 tín chỉ) 2. Kitô giáo trong xã hội đương đại (2 tín chỉ) 3. Quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Việt Nam về tôn giáo và tín ngưỡng (2 tín chỉ) 4. Tín ngưỡng và lễ hội tín ngưỡng ở Việt Nam (2 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229011	Lịch sử thế giới	
4	8229013	Lịch sử Việt Nam	
5	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
6	8229017	Khảo cổ học	
7	8229020	Ngôn ngữ học	
8	8229030	Văn học	
9	8229031	Văn học so sánh	
10	8229040	Văn hóa học	
11	8229041	Văn hóa dân gian	
12	8229042	Quản lý văn hóa	
13	8229043	Văn hóa so sánh	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310201	Chính trị học	1. Phật giáo trong xã hội đương đại (2 tín chỉ) 2. Kitô giáo trong xã hội đương đại (2 tín chỉ) 3. Quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Việt Nam về tôn giáo và tín ngưỡng (2 tín chỉ) 4. Tín ngưỡng và lễ hội tín ngưỡng ở Việt Nam (2 tín chỉ)
2	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
3	8320204	Hồ Chí Minh học	
4	8310206	Quan hệ quốc tế	
5	8310301	Xã hội học	
6	8310302	Nhân học	
7	8310310	Dân tộc học	
8	8310313	Phát triển bền vững	
9	8310315	Phát triển con người	

10	8310317	Quyền con người	1. Quan điểm về tôn giáo trong các tác phẩm kinh điển của C.Mác, Ph.Ăng-ghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) 2. Quan hệ giữa tôn giáo với một số lĩnh vực của đời sống xã hội (2 tín chỉ)
11	8310205	Quản lý nhà nước	
12	8340403	Quản lý công/Quản lý hành chính công	

XI. NGÀNH VĂN HÓA HỌC, Mã số 9229040

1. Ngành đúng: Văn hóa học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229040	Văn hóa học	Không phải học bổ sung
2	7229040	Văn hóa học	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Lý luận văn hóa Mác - Lê nin (2 tín chỉ) 2. Giao lưu văn hóa (2 tín chỉ) 3. Văn hóa dân gian (2 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229009	Tôn giáo học	
4	8229011	Lịch sử thế giới	
5	8229013	Lịch sử Việt Nam	
6	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
7	8229017	Khảo cổ học	
8	8229020	Ngôn ngữ học	
9	8229030	Văn học	
10	8229031	Văn học so sánh	
11	8229041	Văn hóa dân gian	
12	8229042	Quản lý văn hóa	
13	8229043	Văn hóa so sánh	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310310	Dân tộc học	1. Lý luận văn hóa Mác - Lê nin (2 tín chỉ) 2. Giao lưu văn hóa (2 tín chỉ) 3. Văn hóa dân gian (2 tín chỉ) 4. Văn hóa nông thôn (2 tín chỉ) 5. Văn hóa đô thị (2 tín chỉ)
2	8310302	Nhân học	
3	8310301	Xã hội học	
4	8210101	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	
5	8210222	Nghệ thuật sân khấu	
6	8210221	Lý luận và lịch sử sân khấu	
7	8210231	Lý luận và lịch sử điện ảnh, truyền hình	
8	832	Các ngành thuộc lĩnh vực "Báo chí và thông tin"*	
9	82201	Các ngành thuộc nhóm ngành "Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam"	
10	82202	Các ngành thuộc nhóm ngành "Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài"*	

XII. NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC, Mã số 9310202

1. Ngành đúng: Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	Không phải học bổ sung
2	7310202	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Cử nhân chính trị, chuyên ngành: Công tác tổ chức, Công tác dân vận, Công tác kiểm tra, Xây dựng Đảng và chính quyền	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310201	Chính trị học	1. Công tác tư tưởng của Đảng giai đoạn hiện nay (3 tín chỉ) 2. Công tác tổ chức cán bộ của Đảng trong tình hình mới (4 tín chỉ) 3. Công tác dân vận của Đảng giai đoạn hiện nay (3 tín chỉ) 4. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng giai đoạn hiện nay (3 tín chỉ)
2	8310204	Hồ Chí Minh học	
3	8310206	Quan hệ quốc tế	
4	8310205	Quản lý nhà nước	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Công tác tư tưởng của Đảng giai đoạn hiện nay (3 tín chỉ) 2. Công tác tổ chức cán bộ của Đảng trong tình hình mới (4 tín chỉ) 3. Công tác dân vận của Đảng giai đoạn hiện nay (3 tín chỉ) 4. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng giai đoạn hiện nay (3 tín chỉ) 5. Lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong điều kiện mới (3 tín chỉ) 6. Lý luận chung về xây dựng chính quyền nhà nước (3 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229011	Lịch sử thế giới	
4	8229013	Lịch sử Việt Nam	
5	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
6	8229042	Quản lý văn hóa	
7	8860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
8	8340403	Quản lý công	
9	8760101	Công tác xã hội/Quản lý xã hội/An sinh xã hội	
10	8340402	Chính sách công	
11	8310301	Xã hội học	
12	8310401	Tâm lý học	
13	8140101	Giáo dục học	
14	8140114	Quản lý giáo dục	
15	8140113	Giáo dục và phát triển cộng đồng	
16	8320108	Quan hệ công chúng	
17	8320101	Báo chí học	
18	8340408	Lãnh đạo học	
19	83801	Các ngành thuộc nhóm ngành "Luật"*	

XIII. NGÀNH XÃ HỘI HỌC, Mã số 9310301

1. Ngành đúng: Xã hội học

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310301	Xã hội học	Không phải học bổ sung

2	7310301	Xã hội học	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310302	Nhân học	1. Xã hội học đại cương (3 tín chỉ) 2. Lý thuyết xã hội học (3 tín chỉ) 3. Phương pháp nghiên cứu xã hội học (3 tín chỉ) 4. Xã hội học chính trị (3 tín chỉ)
2	8310310	Dân tộc học	
3	8310313	Phát triển bền vững	
4	8310315	Phát triển con người	
5	8310317	Quyền con người	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8229001	Triết học	1. Xã hội học đại cương (3 tín chỉ) 2. Lý thuyết xã hội học (3 tín chỉ) 3. Phương pháp nghiên cứu xã hội học (3 tín chỉ) 4. Xã hội học chính trị (3 tín chỉ) 5. Xã hội học tổ chức (3 tín chỉ) 6. Xã hội học lãnh đạo, quản lý (3 tín chỉ)
2	8229008	Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	8229009	Tôn giáo học	
4	8229011	Lịch sử thế giới	
5	8229013	Lịch sử Việt Nam	
6	8229015	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
7	8229020	Ngôn ngữ học	
8	8229030	Văn học	
9	8229031	Văn học so sánh	
10	8229040	Văn hóa học	
11	8229041	Văn hóa dân gian	
12	8229042	Quản lý văn hóa	
13	8229043	Văn hóa so sánh	
14	8310201	Chính trị học	
15	8310202	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	
16	8320204	Hồ Chí Minh học	
17	8310206	Quan hệ quốc tế	
18	8760101	Công tác xã hội	
19	8340402	Chính sách công	
20	8310205	Quản lý nhà nước	
21	8340403	Quản lý công	
22	8340401	Khoa học quản lý	
23	8340404	Quản trị nhân lực	
24	8340406	Quản trị văn phòng	
25	8340412	Quản lý khoa học và công nghệ	
26	8340417	Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp	

XIV. NGÀNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN CON NGƯỜI (Thí điểm)

1. Ngành đúng: Pháp luật về Quyền con người

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8380109	Pháp luật về Quyền con người	Không phải học bổ sung
2	7380101	Luật	Học và thi toàn bộ học phần trong chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ

2. Nhóm ngành phù hợp 1:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8380101	Luật	1. Lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người (3 tín chỉ) 2. Pháp luật quốc tế về quyền con người (3 tín chỉ) 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quyền con người (2 tín chỉ) 4. Cơ chế quốc tế và Việt Nam về bảo đảm quyền con người (3 tín chỉ)
2	8380102	Luật hiến pháp và luật hành chính	
3	8380103	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
4	8380104	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
5	8380107	Luật kinh tế	
6	8380108	Luật quốc tế	

3. Nhóm ngành phù hợp 2:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Chương trình học bổ sung kiến thức
1	8310317	Quyền con người	1. Lý luận về quyền con người và giáo dục quyền con người (3 tín chỉ) 2. Pháp luật quốc tế về quyền con người (3 tín chỉ) 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quyền con người (2 tín chỉ) 4. Cơ chế quốc tế và Việt Nam về bảo đảm quyền con người (3 tín chỉ) 5. Pháp luật và thực tiễn bảo đảm quyền con người ở Việt Nam (3 tín chỉ) 6. Pháp luật quốc tế và Việt Nam về quyền của nhóm dễ bị tổn thương (3 tín chỉ)
2	8310315	Phát triển con người	
3	8310302	Nhân học	
4	8310301	Xã hội học	
5	8860101	Trinh sát an ninh	
6	8860102	Trinh sát cảnh sát	
7	8860104	Điều tra hình sự	
8	8860109	Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	
9	8860111	Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	
10	8860112	Tham mưu, chỉ huy công an nhân dân	
11	8860117	Tình báo an ninh	
12	8860118	An ninh phi truyền thống	
13	8380105	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm	
14	838	Các ngành thuộc lĩnh vực "Pháp luật"*	

Lưu ý:

1. Đối với các ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện, yêu cầu ứng viên dự tuyển thuộc nhóm ngành phù hợp 2 phải có ít nhất 2 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực có liên quan đến ngành dự tuyển.

2. *Các lĩnh vực, nhóm ngành xem tại Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ của giáo dục đại học.